CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cao su Công nghiệp

Ngày 30/09/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**2.6%**	**2.6%**

DT thuần
Q3/25
0.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.35| -74.0%
YoY: ▼0.58| -41.3%

LN thuần
Q3/25
-2.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.81| 47.0%
YoY: ▼2.69| -408%

LN sau thuế
Q3/25
-1.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.05| 54.0%
YoY: ▼2.40| -369%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-211%
YoY: +/-▼ 91.9%

ROE (TTM)
Q3/25
3.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

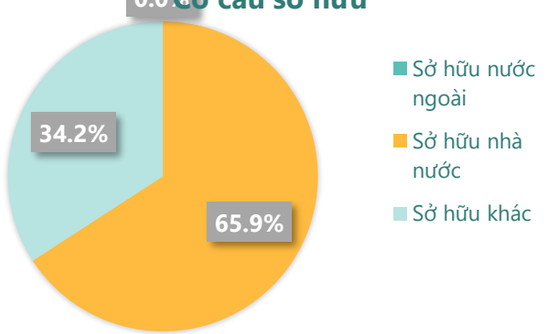
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,800 - 7,995
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
Số lượng CPLH (CP)	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	310
P/E	25.8

DT thuần
9T 2025
4.30
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.2| -80.0%

LN thuần
9T 2025
-7.69
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.26| -1459%

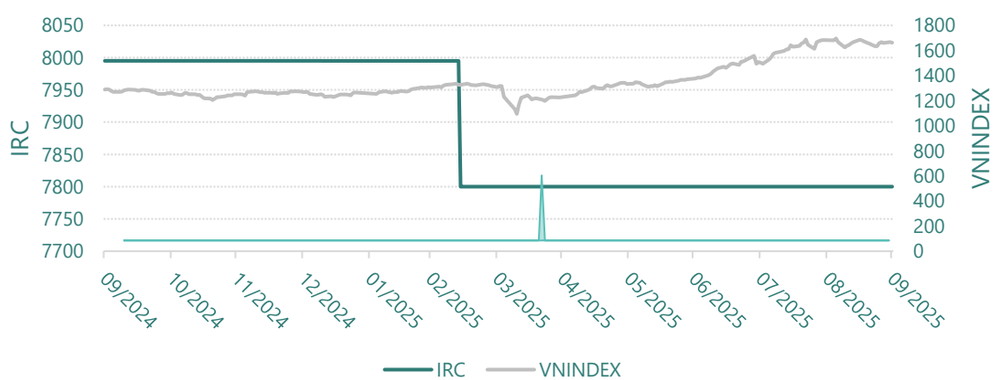
LN sau thuế
9T 2025
-7.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.37| -834%

Cơ cấu sở hữu

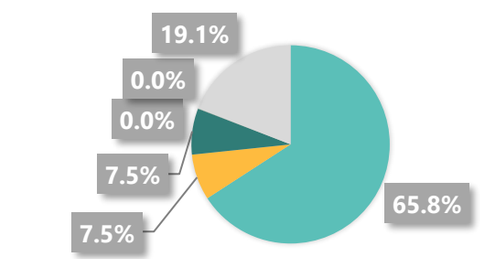


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

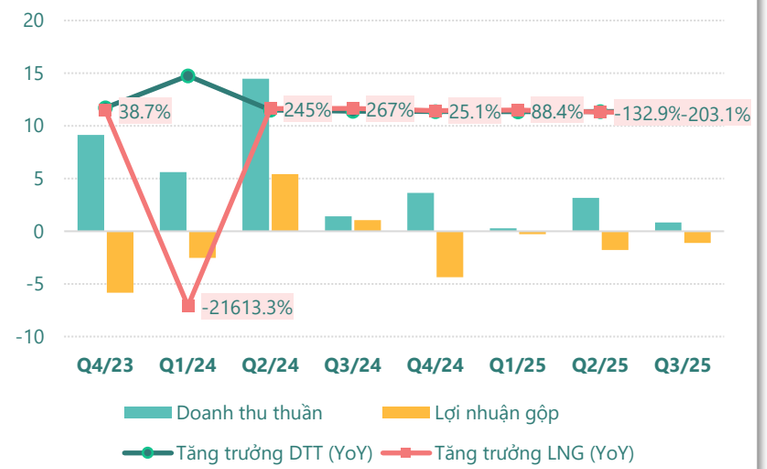


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- CTCP Tập đoàn Capella
- CTCP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc
- Nguyễn Đăng Tấn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thái Nguyên (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

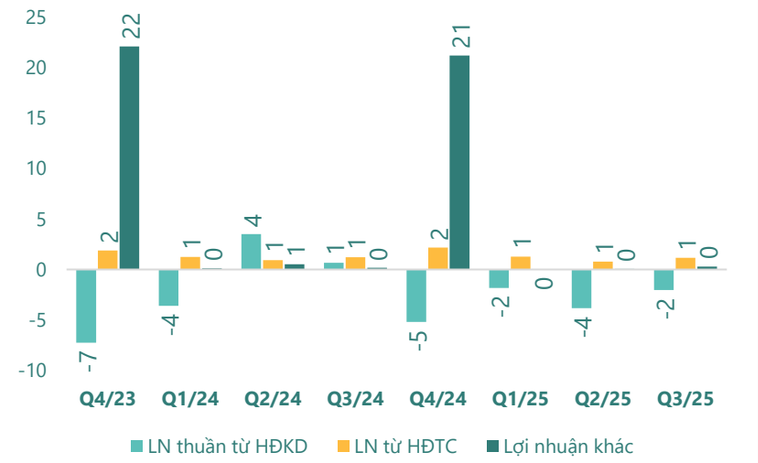
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



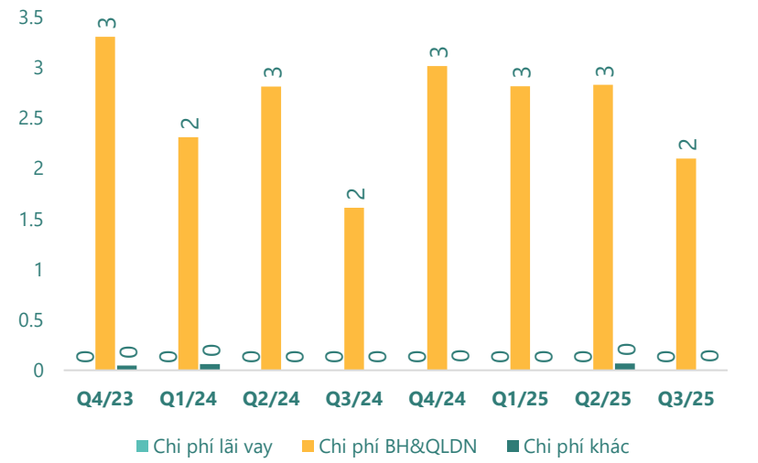
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



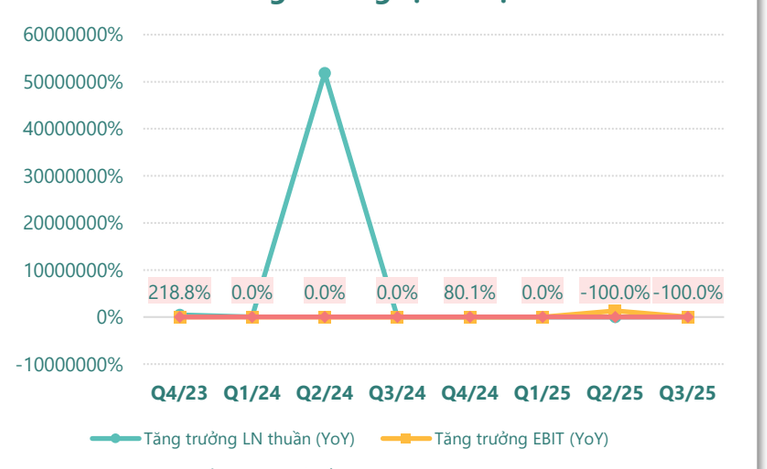
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



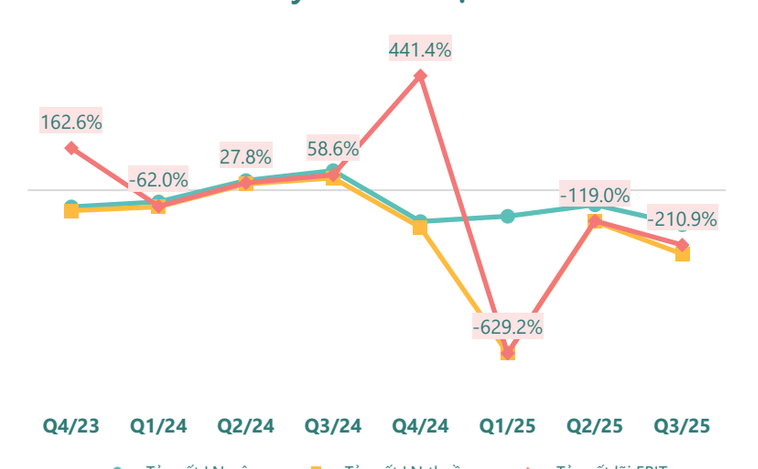
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



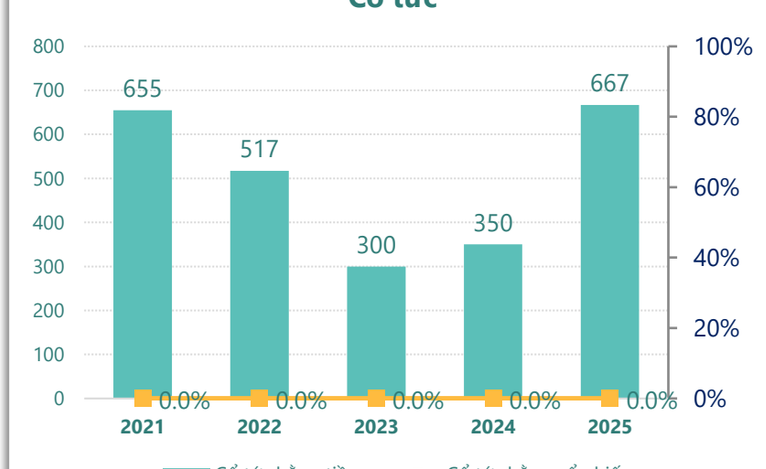
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

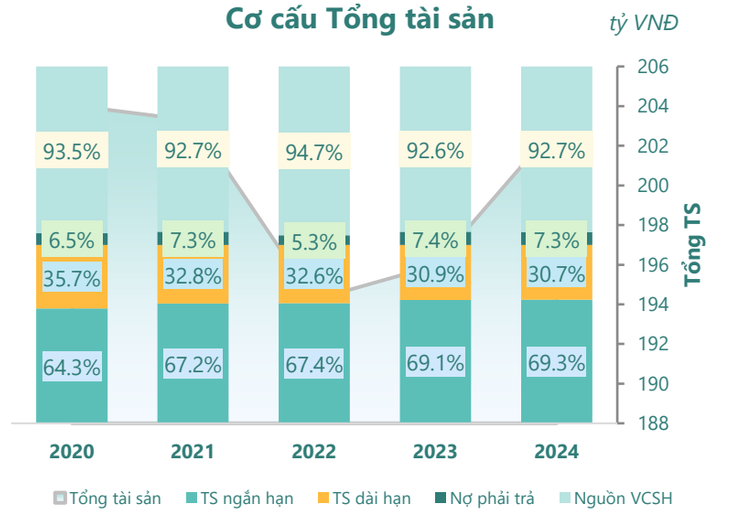
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

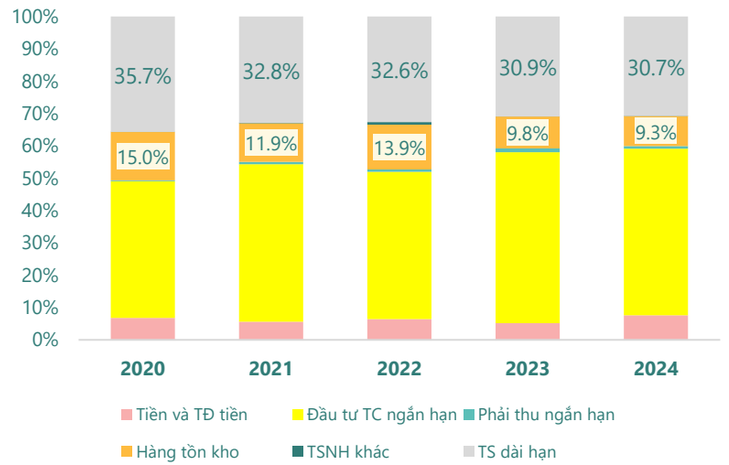
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



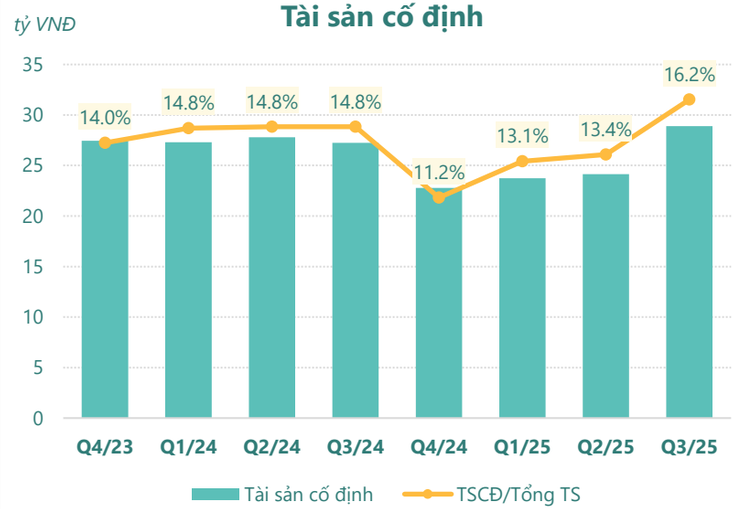
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



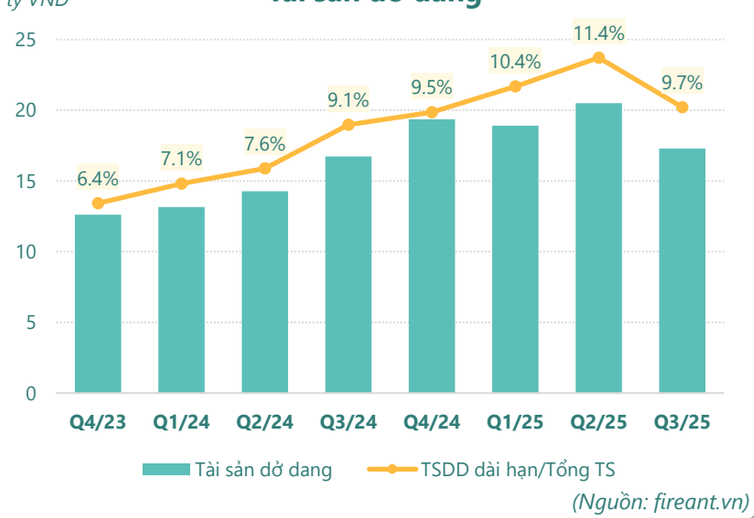
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



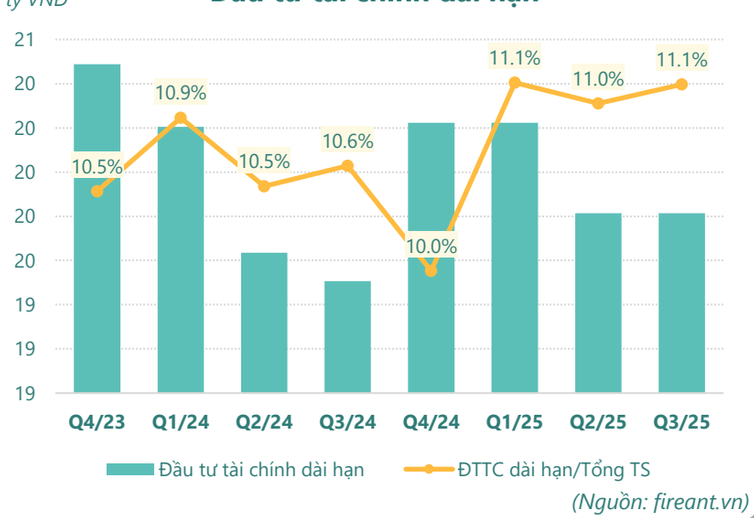
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



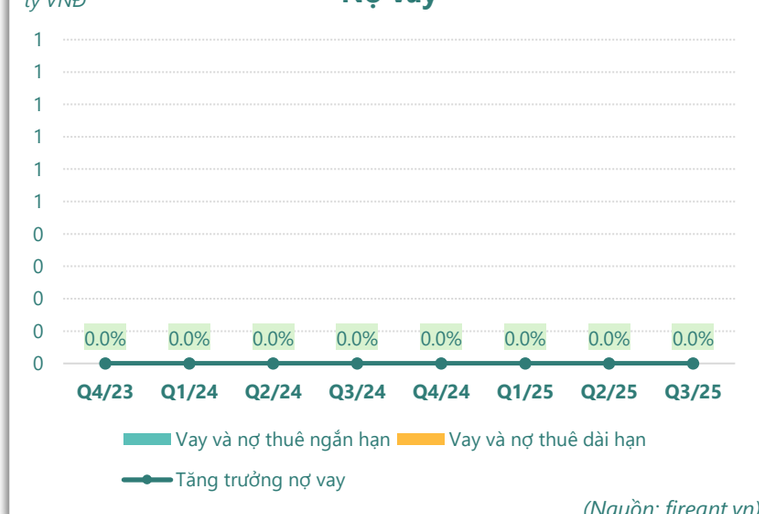
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

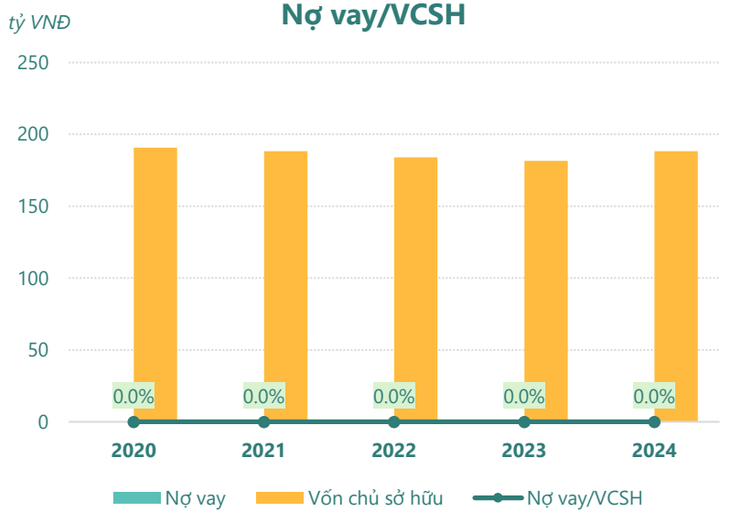
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

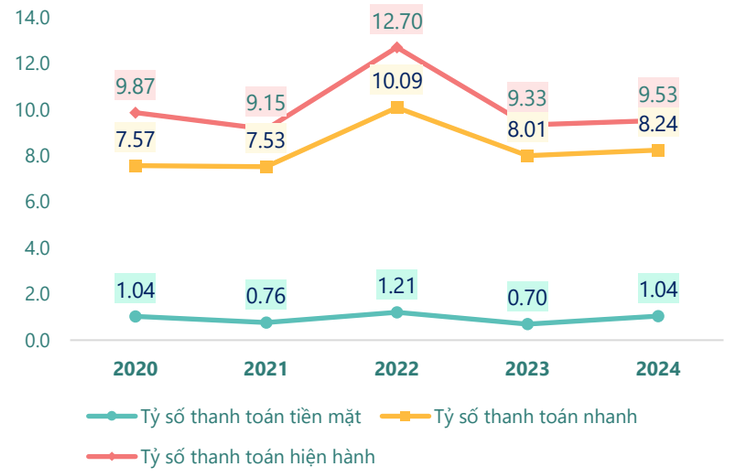
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



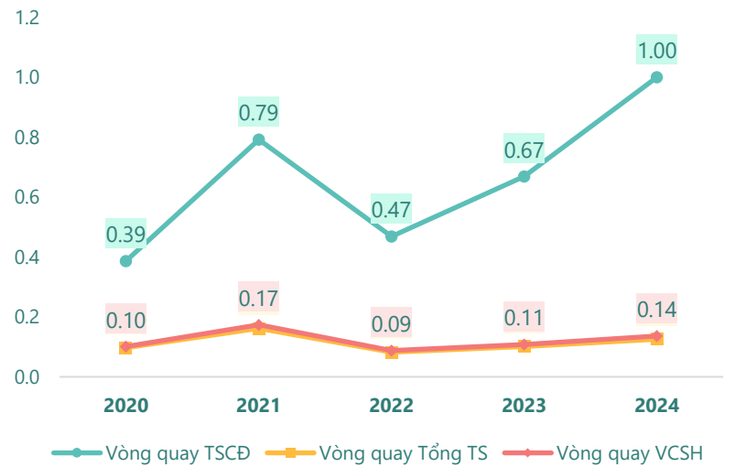
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



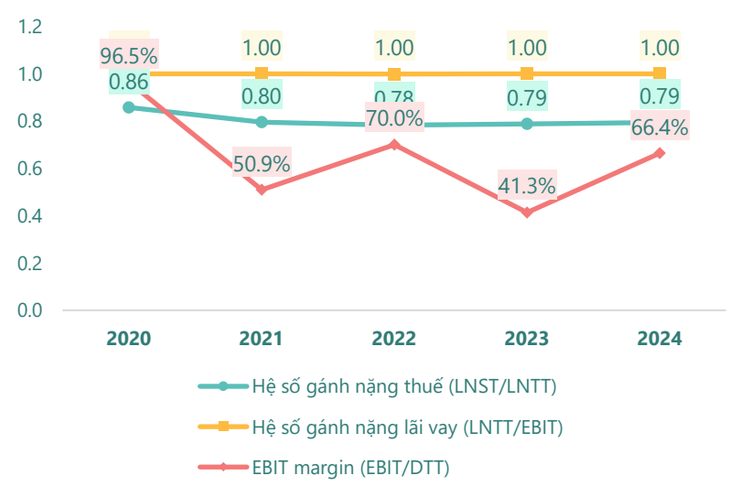
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



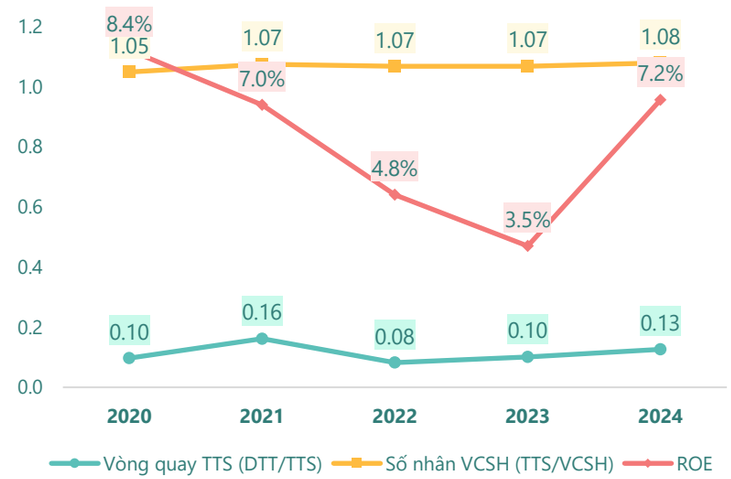
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



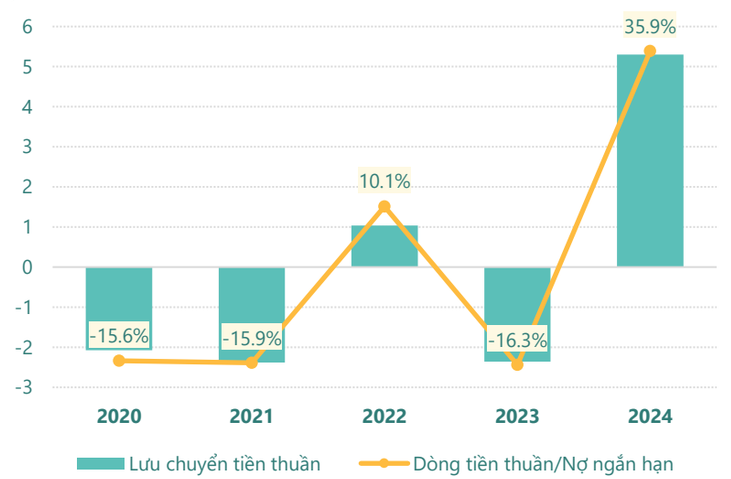
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.83**	**1.41**	**-41.3%**	**4.30**	**21.5**	**-80.0%**
Giá vốn hàng bán	1.93	0.35	451%	7.46	17.6	-57.5%
Lợi nhuận gộp	-1.10	1.07	-203%	-3.17	3.94	-180%
Doanh thu HĐTC	1.17	1.34	-13.0%	3.64	4.35	-16.4%
Chi phí TC	0	0.13	-100%	0.41	0.98	-58.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00	0.06	-96.1%
Chi phí QLDN	**2.10**	**1.61**	**30.4%**	**7.75**	**6.68**	**16.0%**
LN thuần từ HĐKD	-2.03	0.66	-408%	-7.69	0.57	-1459%
Lợi nhuận khác	**0.29**	**0.16**	**80.2%**	**0.34**	**0.80**	**-57.3%**
LN trước thuế	-1.74	0.83	-310%	-7.35	1.37	-638%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.75**	**0.65**	**-369%**	**-7.37**	**1.00**	**-834%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.75**	**0.65**	**-369%**	**-7.37**	**1.00**	**-834%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.72	-15.1	16.8	-17.5	-1.78	-9.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.25	7.07	-3.12	13.9	1.60	9.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-8.75	0	0
Tiền đầu kỳ	7.30	9.76	1.68	15.4	3.03	2.85
Lưu chuyển tiền thuần	**2.46**	**-8.08**	**13.7**	**-12.4**	**-0.18**	**-0.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.76	1.68	15.4	3.03	2.85	2.46

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**203**	**-12.2%**
Tài sản ngắn hạn	112	141	-20.3%
Tiền và tương đương tiền	2.46	15.4	-84.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.4	105	-22.2%
Phải thu ngắn hạn	3.88	1.62	139%
Hàng tồn kho	22.7	19.0	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	0.05	3347%
Tài sản dài hạn	**66.1**	**62.4**	**6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.9	22.8	26.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.3	19.4	-10.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.8	20.2	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.15**	**0.02**	**672%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.64	14.8	-48.2%
Nợ ngắn hạn	**7.64**	**14.8**	**-48.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	1.29	-99.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**171**	**188**	**-9.4%**
Vốn chủ sở hữu	**171**	**188**	**-9.4%**
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)